

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 21-02-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn An;

Ông Nguyễn Văn Quốc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1968; cư trú tại: khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Kim T, sinh năm 1976; cư trú tại: khu phố LT, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2022 và bản tự khai - nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:*

Ông và bà Lê Kim T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hưng (nay là phường Lộc Hưng). Sau khi cưới, vợ chồng sống tại khu phố Lộc Thanh, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ông làm nghề bánh tráng, còn bà T làm công nhân. Đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn

nguyên nhân là bà T có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 04 năm nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc V, sinh năm 1994 và Trần Quốc D, sinh năm 1996. Hiện nay, anh V và anh D đã trưởng thành và đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Nay ông yêu cầu ly hôn với bà T. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Kim T trình bày:*

Bà thừa nhận lời trình bày của ông P về thời gian kết hôn, con chung, tài sản và nợ chung là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, không tìm được Tg nói chung trong gia đình. Do đó, vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Nay bà đồng ý ly hôn với ông P. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của ông Trần Văn P đối với bà Lê Kim T.

Về con chung: Trần Quốc V, sinh năm 1994 và Trần Quốc D, sinh năm 1996, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Dương sự Trần Văn Phi và Lê Kim T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà T chung sống với nhau vào năm 1994 có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng (nay là phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Ông P và bà T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông P trình bày do bà T có tình cảm với người khác. Bà T cho rằng do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Nay ông P yêu cầu ly hôn thì bà T đồng ý. Do đó, xét tình trạng hôn nhân giữa ông P và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quốc V, sinh năm 1994 và Trần Quốc D, sinh năm 1996, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P đối với bà Lê Kim T.

Ông Trần Văn P được ly hôn với bà Lê Kim T.

2. Về con chung: Trần Quốc V, sinh năm 1994 và Trần Quốc D, sinh năm 1996, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0026785 ngày 05 tháng

10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; ông P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX.Trảng Bàng;
- UBND phường Lộc Hưng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm**